

**EIB đã thỏa thuận 94,35 triệu đơn vị trong tháng 10**

**HOSE:** VN-Index liên tục đi xuống từ khi mở cửa và tạo đáy 387,4 lúc 10h15 nhưng trong thời gian còn lại, chuyển biến giá bắt đầu tích cực dần. Sắc đỏ thu hẹp lại mà đi đầu là bluechips giúp cho chỉ số phục hồi về mức ban đầu và thanh khoản cũng cải thiện. ITA dập dình dưới tham chiếu một bước giá nhưng lực đỡ khá tốt đã không để cho cổ phiếu này rơi xuống giá sàn. Người anh em KBC thì chìm trong mức giá thấp nhất ngay từ 9h40 và phần lớn thời gian của ngày đều nằm tại đây. Các mã ngân hàng CTG, MBB, EIB tăng nhẹ trong khi VCB và STB giảm nhẹ. VN-Index chưa thoát khỏi xu hướng đi xuống, đóng cửa giảm 1,44 điểm.

Tổng giá trị giao dịch trên sàn HOSE lên tới 890,5 tỷ đồng – tăng 199,6% so với phiên trước. Dù không tính thỏa thuận thì giá trị khớp lệnh cũng tăng 10,5%. EIB được thỏa thuận hơn 35 triệu đơn vị, tương đương 559 tỷ đồng. Như vậy, tính trong tháng 10, EIB đã có 94,35 triệu cổ phiếu trao tay gây nhiều sóng cho thị trường.

**HNX:** Biến động của HNX-Index khá tương đồng với VN-Index. Chỉ số đạt mức thấp nhất là 52,6 điểm tại 10h20 nhưng sau đó phục hồi dần, linh xính trong phiên chiều và đóng cửa giảm 0,11 điểm. KLGD giảm 35,6%. PVX được đỡ giá ngay từ đầu phiên với khối lượng chặn mua tại tham chiếu rất lớn, cuối phiên cổ phiếu này đã tăng trần. Cổ phiếu BVG duy trì chuỗi dao động giá khá tích cực với 3 phiên tăng trần liên tiếp gần đây và khớp lệnh 129.300 đơn vị - khối lượng lớn đột biến đối với cổ phiếu này.

Khối ngoại mua ròng khá cao trên HOSE với 22 tỷ đồng, đứng đầu là 25 tỷ đồng của GAS. Trên HNX, họ cũng mua ròng 5 tỷ, nhiều nhất là DBC và LAS.

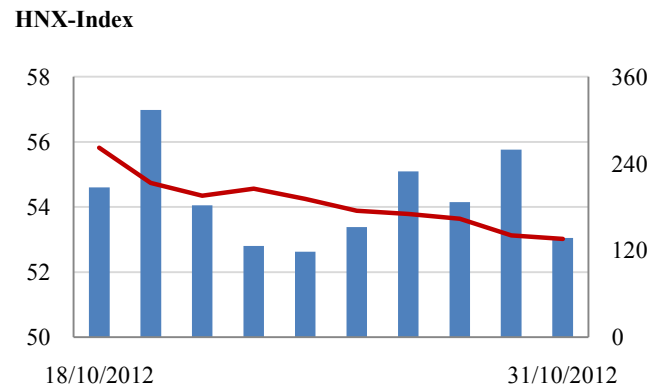
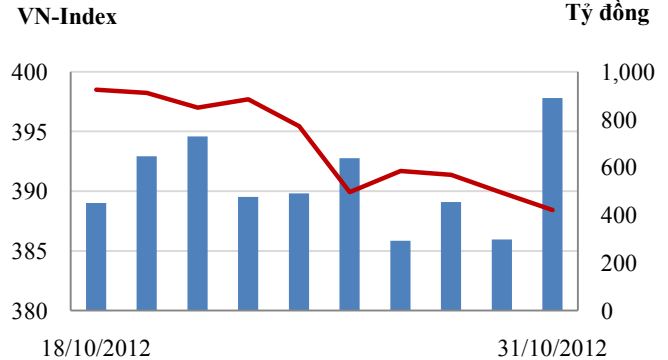
**Tin nổi bật**

Bộ trưởng Bộ Xây dựng dẫn báo cáo từ NHNN cho biết, dư nợ tín dụng bất động sản đến 31/8 khoảng 203 nghìn tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 6,6%.

Theo báo cáo mới đây của Ủy ban giám sát tài chính Quốc gia, dự báo đến hết tháng 10 tín dụng tăng khoảng 3% so với đầu năm.

Thông đốc NHNN cho biết, từ đầu năm đến nay đã mua được 10 tỷ USD và 60 tấn vàng (khoảng 3 tỷ USD). Như vậy đã có 13 tỷ USD được chuyển sang VNĐ để hỗ trợ nền kinh tế.

**Giao dịch 10 phiên gần nhất**



**THẾ GIỚI**

Nhật: Nikkei 225  
Hong Kong: Hang Seng

| Chi số               | Tăng / Giảm |       |
|----------------------|-------------|-------|
|                      | điểm        | %     |
| Nhật: Nikkei 225     | 8,928       | 86.3  |
| Hong Kong: Hang Seng | 21,642      | 213.2 |

**CHỈ SỐ VĨ MÔ**

Tăng trưởng GDP  
Lạm phát so hàng tháng  
Lạm phát so với cùng kỳ (năm)  
Chi số công nghiệp (%)  
Xuất khẩu (triệu \$)  
Nhập khẩu (triệu \$)  
Thâm hụt thương mại (triệu \$)  
FDI cam kết (triệu \$)  
FDI giải ngân (triệu \$)

|                                | Tháng 9 | Tháng 10 | Lũy kế |
|--------------------------------|---------|----------|--------|
| Tăng trưởng GDP                | 5.35%   |          |        |
| Lạm phát so hàng tháng         | 2.20%   | 0.85%    |        |
| Lạm phát so với cùng kỳ (năm)  | 6.48%   | 7.00%    |        |
| Chi số công nghiệp (%)         | 4.60%   | 5.80%    |        |
| Xuất khẩu (triệu \$)           | 9,700   | 9,900    |        |
| Nhập khẩu (triệu \$)           | 9,800   | 10,400   |        |
| Thâm hụt thương mại (triệu \$) | - 100   | - 500    |        |
| FDI cam kết (triệu \$)         | 1,046   |          |        |
| FDI giải ngân (triệu \$)       | 819     |          |        |

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

**CHỈ SỐ CHÍNH**

|                          | Tăng / Giảm |      | Khối lượng |      |        | Số lượng cổ phiếu |      |      | P/E |      |
|--------------------------|-------------|------|------------|------|--------|-------------------|------|------|-----|------|
|                          | Điểm        | %    | KL         | %    | GDTT   | Tăng              | Giảm | Đứng |     |      |
| VN-Index                 | 388.4       | -1.4 | -0.4%      | 57.6 | 149.7% | 37.7              | 84   | 100  | 89  | 9.1x |
| HNX-Index                | 53.0        | -0.1 | -0.2%      | 22.2 | -35.6% | 1.2               | 65   | 90   | 239 | 6.5x |
| VN30                     | 458.6       | -0.5 | -0.1%      | 7.8  | 6.3%   | 36.2              | 12   | 11   | 7   | 7.2x |
| 19 CP vốn hóa lớn nhất   | 368.0       | -1.8 | -0.5%      | 4.2  | 27.3%  | 35.7              | 5    | 9    | 5   | 7.3x |
| 30 CP vốn hóa trung bình | 140.9       | 0.7  | 0.5%       | 16.3 | 17.3%  | 1.7               | 11   | 7    | 10  | 4.7x |
| 40 CP vốn hóa nhỏ        | 185.9       | -0.5 | -0.3%      | 3.9  | -26.6% | 0.0               | 9    | 15   | 15  | 7.3x |
| Ngân hàng                | 253.8       | -0.7 | -0.3%      | 9.0  | -40.4% | 35.8              | 4    | 8    | 5   | 4.9x |
| Bất động sản (trừ VIC)   | 234.1       | -0.6 | -0.3%      | 8.8  | -0.4%  | 0.0               | 9    | 23   | 27  | 5.0x |
| Thực phẩm (trừ MSN)      | 559.8       | -5.5 | -1.0%      | 0.9  | -12.0% | 0.1               | 13   | 9    | 6   | 7.0x |

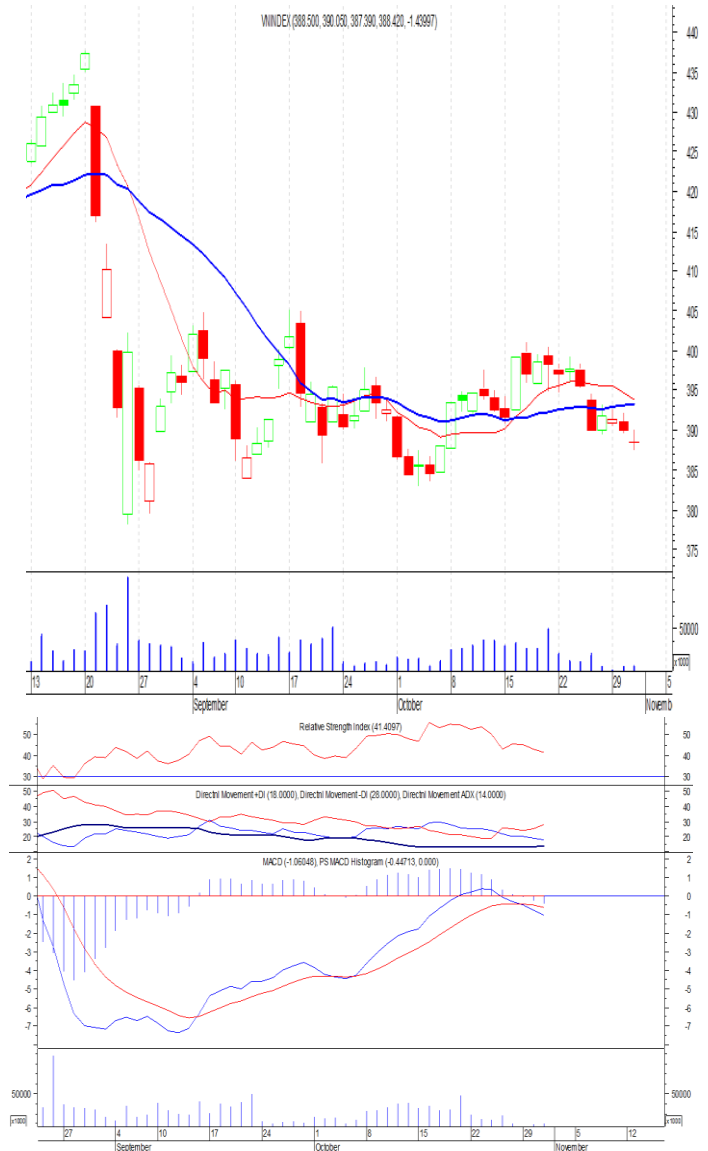
(KL: triệu CP)

**PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HOSE**

VN-Index giảm 1.44 điểm xuống 388.42 điểm, KLGD khớp lệnh đạt 20 triệu đơn vị, tương đương so với phiên trước. Thị trường giảm điểm trong cả phiên giao dịch, các cổ phiếu có sự phân hoá nhưng mức độ tăng giảm là không lớn. Nhìn chung lực cầu vào không mạnh trong các phiên gần đây khiến bên nắm cổ phiếu mất kiên nhẫn hơn bán ra và thị trường bị bào mòn dần.

Trên biểu đồ kỹ thuật, VN-Index đã bỏ xa ngưỡng 390 điểm và hướng về vùng đáy cũ 380 điểm. Tín hiệu RMO, MACD vẫn trong vùng bán ra, MA10 cũng sắp cắt MA20 từ trên xuống cho thấy xu thế thị trường vẫn xấu. Chúng tôi vẫn duy trì nhận định xu thế ngắn hạn là giảm điểm.

**Khuyến nghị:** Nhà đầu tư xem xét bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, chờ đợi tín hiệu tích cực trở lại mới xem xét tham gia thị trường.



**XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG**

|           |            |
|-----------|------------|
| Ngắn hạn  | Giảm điểm  |
| Trung hạn | Giảm điểm  |
| Dài hạn   | Trung tính |

**CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ**

|               |     |
|---------------|-----|
| Kháng cự 1    | 415 |
| Kháng cự 2    | 402 |
| Vùng hỗ trợ 1 | 380 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 350 |

**THÔNG TIN CẬP NHẬT TRÊN SÀN**

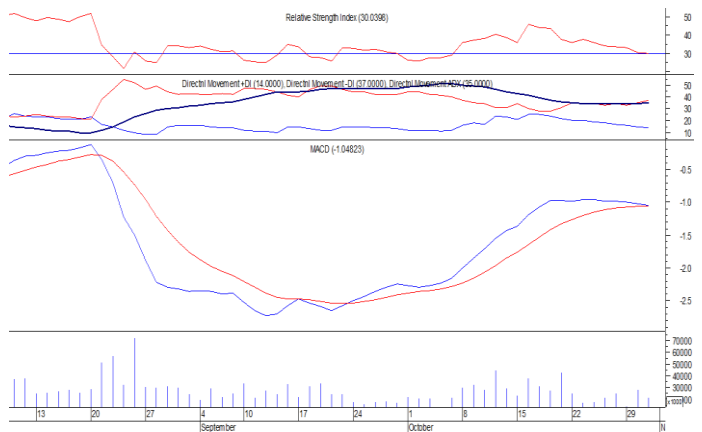
- CII** Từ ngày 5/11/2012 - 5/12/2012, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật VINAPHIL, tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM đăng ký mua 16.920.225 cổ phiếu, chiếm 15% vốn điều lệ, nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư.
- VRC** Từ ngày 1/11/2012 - 30/11/2012, Công ty Cổ phần Chứng khoán Âu Việt, tổ chức có liên quan đến cổ đông nội bộ Công ty Cổ phần Xây lắp và Địa ốc Vũng Tàu đăng ký mua 750.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 2.849.517 cổ phiếu, chiếm 19,65% vốn điều lệ, nhằm đầu tư.
- CMX** Từ ngày 2/11/2012 - 2/12/2012, ông Nguyễn Tấn Dương - Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần chế biến thủy sản và xuất nhập khẩu Cà Mau đăng ký mua 3.000.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 3.021.088 cổ phiếu, chiếm 22,85% vốn điều lệ, nhằm đầu tư.
- LCM** Từ ngày 1/11/2012 - 30/11/2012, ông Bùi Đức Thanh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai đăng ký mua 200.000 cổ phiếu, nâng số cổ phiếu sẽ nắm giữ lên 1.700.000 cổ phiếu, chiếm 19,84% vốn điều lệ, nhằm nâng tỷ lệ sở hữu.

### PHÂN TÍCH KỸ THUẬT- HNX

HNX-Index tiếp tục giảm 0.11 điểm về 53.02 điểm, thanh khoản đạt 21 triệu cổ phiếu, giảm mạnh so với phiên trước một phần do không có KLGĐ đột biến từ NVB. Thanh khoản trên HNX chủ yếu tập trung vào một số cổ phiếu như SHB, SCR, VND (chiếm 50% tổng KLGĐ). Các cổ phiếu tăng giảm không lớn so với giá tham chiếu. Nếu không có thông tin hỗ trợ đủ mạnh thì thị trường sẽ vẫn tiếp tục xu hướng bào mòn giảm điểm, có thể xuất hiện giảm mạnh nếu có một vài cổ phiếu dẫn dắt bị bán tháo.

Trên biểu đồ kỹ thuật, HNX-Index tiếp tục giảm điểm, các tín hiệu kỹ thuật MACD, RMO và MA vẫn cho thấy thị trường đang trong xu thế giảm điểm.

**Khuyến nghị:** Nhà đầu tư xem xét bán giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, chờ đợi tín hiệu tích cực trở lại mới xem xét tham gia thị trường.



### XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

|           |            |
|-----------|------------|
| Ngắn hạn  | Giảm điểm  |
| Trung hạn | Giảm điểm  |
| Dài hạn   | Trung tính |

### CÁC NGƯỠNG KHÁNG CỰ VÀ HỖ TRỢ

|            |      |
|------------|------|
| Kháng cự 1 | 57.0 |
| Kháng cự 2 | 62.0 |

|               |      |
|---------------|------|
| Vùng hỗ trợ 1 | 50.0 |
| Vùng hỗ trợ 2 | 45.0 |

### THÔNG TIN CẬP NHẬT TRÊN SÀN

**CMI** Công ty cổ phần Cmistone Việt Nam công bố báo cáo tài chính quý III/2012. Quý III/2012, CMI đạt doanh thu 2,8 tỷ đồng, giảm 91% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên trong kỳ CMI không có chi phí tài chính. Công ty đạt 480 triệu đồng lợi nhuận sau thuế, tăng hơn 234% so với cùng kỳ năm trước.

**PVG** Công ty cổ phần khí hóa lỏng miền Bắc công bố báo cáo tài chính quý III/2012 của công ty mẹ. Quý III/2012, công ty mẹ PVG đạt doanh thu 760,3 tỷ đồng, giảm 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 4,6 tỷ đồng, giảm 62,6%.

**PGS** Công ty cổ phần kinh doanh khí hóa lỏng miền Nam công bố báo cáo tài chính quý III/2012. Quý III/2012, PGS đạt doanh thu 1.150 tỷ đồng, giảm 4,8% so với cùng kỳ năm trước. PGS đạt lợi nhuận sau thuế 18 tỷ đồng, giảm 56% so với cùng kỳ.

**NTP** CTCP nhựa Thiều niên Tiên Phong công bố báo cáo tài chính quý III/2012 của công ty mẹ. Theo đó, doanh thu thuần và giá vốn hàng bán của NTP tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 58,4 tỷ đồng. Lũy kế 9 tháng, NTP đạt 1.710 tỷ đồng doanh thu thuần và 194 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế.

**HOSE**

**HNX**

| 5CP TĂNG giá nhiều nhất |        |          | 5CP GIẢM giá nhiều nhất |        |          | 5CP TĂNG giá nhiều nhất |        |          | 5CP GIẢM giá nhiều nhất |        |          |
|-------------------------|--------|----------|-------------------------|--------|----------|-------------------------|--------|----------|-------------------------|--------|----------|
| Mã CK                   | Giá    | Thay đổi | Mã CK                   | Giá    | Thay đổi | Mã CK                   | Giá    | Thay đổi | Mã CK                   | Giá    | Thay đổi |
| DDM                     | 1,400  | 7.69%    | VSG                     | 800    | -11.11%  | THV                     | 1,000  | 11.11%   | PSG                     | 1,000  | -9.09%   |
| TDW                     | 18,900 | 5.00%    | BHS                     | 16,800 | -7.69%   | CAN                     | 21,400 | 7.00%    | MCC                     | 12,000 | -6.98%   |
| HDC                     | 14,700 | 5.00%    | VES                     | 1,300  | -7.14%   | TLC                     | 1,600  | 6.67%    | HDA                     | 8,100  | -6.90%   |
| DAG                     | 10,500 | 5.00%    | CLG                     | 3,800  | -5.00%   | HHC                     | 16,100 | 6.62%    | SGC                     | 15,500 | -6.63%   |
| TMS                     | 21,100 | 4.98%    | VSI                     | 5,800  | -4.92%   | TBX                     | 9,800  | 6.52%    | ADC                     | 10,100 | -6.48%   |
|                         | (VND)  |          |                         | (VND)  |          |                         | (VND)  |          |                         | (VND)  |          |

| 5CP có KLKL nhiều nhất |                    |         | 5CP có GTGD nhiều nhất |                  |         | 5CP có KLKL nhiều nhất |                    |         | 5CP có GTGD nhiều nhất |                  |         |
|------------------------|--------------------|---------|------------------------|------------------|---------|------------------------|--------------------|---------|------------------------|------------------|---------|
| Mã CK                  | Thay đổi           | KL      | Mã CK                  | Thay đổi         | Giá trị | Mã CK                  | Thay đổi           | KL      | Mã CK                  | Thay đổi         | Giá trị |
| EIB                    | 2.61%              | 627.3   | EIB                    | 2.61%            | 9.7     | SHB                    | 0.00%              | 6,592.2 | SHB                    | 0.00%            | 34.9    |
| ITA                    | 0.00%              | 1,568.1 | VNM                    | -1.57%           | 25.7    | SCR                    | -1.82%             | 2,350.3 | SCR                    | -1.82%           | 12.6    |
| HSG                    | 1.73%              | 407.1   | GAS                    | -0.25%           | 3.1     | PVX                    | 4.76%              | 1,684.8 | VND                    | 0.00%            | 9.2     |
| DLG                    | 2.78%              | 801.7   | HSG                    | 1.73%            | 7.2     | VND                    | 0.00%              | 1,093.7 | ACB                    | -1.29%           | 4.6     |
| SII                    | -4.03%             | 654.9   | CII                    | 3.64%            | 14.6    | KLS                    | 1.32%              | 927.3   | PVX                    | 4.76%            | 7.1     |
|                        | (Đơn vị: nghìn CP) |         |                        | (Đơn vị: tỷ VND) |         |                        | (Đơn vị: nghìn CP) |         |                        | (Đơn vị: tỷ VND) |         |

| 5CP NĐTNN mua nhiều nhất |                    |       | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất |                    |       | 5CP NĐTNN mua nhiều nhất |                    |       | 5CP NĐTNN bán nhiều nhất |                    |       |
|--------------------------|--------------------|-------|--------------------------|--------------------|-------|--------------------------|--------------------|-------|--------------------------|--------------------|-------|
| Mã CK                    | Thay đổi           | KL    | Mã CK                    | Thay đổi           | KL    | Mã CK                    | Thay đổi           | KL    | Mã CK                    | Thay đổi           | KL    |
| GAS                      | -0.25%             | 628.5 | CSM                      | 0.00%              | 155.3 | DBC                      | 5.91%              | 110.9 | PVX                      | 4.76%              | 50.0  |
| HSG                      | 1.73%              | 300.0 | SJD                      | 0.00%              | 124.7 | LAS                      | 0.72%              | 83.5  | VND                      | 1.19%              | 50.0  |
| VSH                      | 0.96%              | 242.8 | EIB                      | 2.61%              | 81.0  | EBS                      | -1.35%             | 25.0  | BVS                      | 1.09%              | 30.0  |
| DPM                      | 0.56%              | 86.2  | PVF                      | 0.00%              | 79.7  | PPS                      | -1.19%             | 15.0  | TDN                      | -2.02%             | 4.9   |
| SBT                      | 0.57%              | 64.8  | VCF                      | -2.00%             | 47.0  | SHB                      | 0.00%              | 14.8  | STL                      | 2.78%              | 500.0 |
|                          | (Đơn vị: nghìn CP) |       |                          | (Đơn vị: nghìn CP) |       |                          | (Đơn vị: nghìn CP) |       |                          | (Đơn vị: nghìn CP) |       |

Ghi chú: % thay đổi giá = (giá cao nhất trong phiên - giá thấp nhất trong phiên) / giá tham chiếu

**KHUYẾN CÁO**

Báo cáo này được phát hành bởi VietinBankSc. Các thông tin, nhận định trong báo cáo đều dựa trên các nguồn thông tin có sẵn, đã công bố ra công chúng được xem là đáng tin cậy và hợp pháp. Tuy nhiên, VietinBankSc không đảm bảo tính đầy đủ, chính xác của các thông tin này. Nhà đầu tư sử dụng báo cáo cần lưu ý các nhận định, dự báo trong báo cáo mang tính chủ quan của người viết. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Mr. Phan Ngọc Minh**

Trưởng phòng Nghiên cứu- Phân tích  
Tel: (84.4) 3974 7952  
minhpn@vietinbanksc.com.vn

**Ms. Nguyễn Thu Huyền**

Phó phòng Nghiên cứu- Phân tích  
Tel: (84.4) 3974 7952  
huyennt@vietinbanksc.com.vn

**Trụ sở chính**

306 Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: (84.4) 6278 0012

**Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh**

49 Tôn Thất Đạm, Q1, TP.HCM  
Tel: (84.8) 3820 9987

**Phòng GD Cao Thắng**

Tầng trệt, số 41 Cao Thắng, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: (84.8) 3551 5606